

Số: ...../GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền làm Chủ đầu tư.*

*Xét Văn bản số 141/CV-VPĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền và hồ sơ kèm theo Văn bản số 07/CV-VPĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu nhà ở thấp tầng thuộc Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-STNMT ngày 22 tháng 01 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền, địa chỉ tại Căn hộ HD26-Lô TT4-05/6 Khu đô thị Cầu

Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu nhà ở thấp tầng thuộc Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: Khu nhà ở thấp tầng thuộc Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Đồng Hòa, quận Kiến An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0202202640, đăng ký lần đầu ngày 02/6/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3757/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 09/11/2022 và chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1902/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 04/07/2023.

1.4. Mã số thuế: 0202202640

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nhà ở thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí tương đương với Dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công) và có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi, quy mô đề nghị cấp cấp phép:

+ Nhà ở liên kế thấp tầng gồm: 206 căn (xây dựng phần thô và hoàn thiện toàn bộ mặt ngoài), tổng diện tích sử dụng đất khoảng 15.676,5 m<sup>2</sup>, tầng cao tối đa là 04 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 59.921,2 m<sup>2</sup>.

+ Đường giao thông, cây xanh - TDTT, sân bãi đỗ xe và hệ thống hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích là 43.793,9 m<sup>2</sup> (hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm, 01 khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 02 m<sup>2</sup>).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.... tháng .....năm 2025 đến ngày.... tháng .....năm 2035).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ TN&MT;
- Cục KSONMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND quận Kiến An;
- UBND phường Đồng Hòa;
- Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển bất động sản Vạn Phúc Điền;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, MT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## **Phụ lục 1**

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày .... Tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn nước thải số 01: nước thải sinh hoạt (nước thải từ các bồn cầu vệ sinh, thoát sàn, chậu rửa, giặt, nhà bếp) phát sinh từ 206 căn hộ của Khu nhà ở thấp tầng.

- Nguồn nước thải số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động của thiết bị xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

##### **2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý được bơm theo tuyến ống thoát nước thải HDPE (đường kính D = 110mm) của Dự án ra hố ga đầu nối của Kênh sau Cống Kết sau đó thoát ra sông Lạch Tray, đoạn thuộc địa phận phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: tại hố ga đầu nối của Kênh sau Cống Kết thuộc địa phận phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ: X(m) = 2303289.15; Y(m) = 594703.22

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải đảm bảo có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung).

2.3.1. Phương thức xả thải: nước thải sau xử lý tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án được bơm theo tuyến ống thoát nước thải HDPE (đường kính D = 110mm) của Dự án ra hố ga đầu nối của Kênh sau Cống Kết sau đó thoát ra sông Lạch Tray; phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận là bơm, xả mặt và xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn (theo thời gian hoạt động của bơm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo

đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B,  $C_{\max} = C \times K$  với  $K = 1,0$ ), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm                                            | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ                          | Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)                                                                                                                                                |
|----|---------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | pH                                                      | -           | 5-9                       | 3 tháng/lần (theo đề xuất và cam kết của Chủ dự án) | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP |
| 2  | BOD <sub>5</sub>                                        | mg/l        | 50                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)                             | mg/l        | 100                       |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 4  | Tổng chất rắn hòa tan (TDS)                             | mg/l        | 1.000                     |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 5  | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)                     | mg/l        | 4                         |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 6  | Amoni (tính theo N)                                     | mg/l        | 10                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 7  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)    | mg/l        | 50                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật                                   | mg/l        | 20                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt                          | mg/l        | 10                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 10 | Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P) | mg/l        | 10                        |                                                     |                                                                                                                                                                                     |
| 11 | Tổng Coliforms                                          | MPN/100ml   | 5.000                     |                                                     |                                                                                                                                                                                     |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn 01: nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cùng với thoát sàn, chậu rửa, giặt, nhà bếp tại Khu nhà ở thấp tầng được thu gom bằng đường ống PVC D110 dẫn ra hệ thống cống BTCT D300, D400 ngoài nhà sau đó dẫn về trạm bơm chuyển bậc (công suất 470 m<sup>3</sup>/h) và theo đường ống HDPE D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn nước thải số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động của thiết bị xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải tập trung (là cặn nước thải có các thành phần nguy hại) được định kỳ thu gom, lưu giữ tại kho chất thải nguy hại và chuyển giao theo chất thải nguy hại.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

### 1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng, vị trí: 206 bể tự hoại (do các Chủ căn hộ tự xây dựng theo thiết kế riêng và vận hành, quản lý).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ bồn cầu → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: không.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Số lượng, vị trí: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở thấp tầng (nước thải từ các bồn cầu vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thoát sàn, chậu rửa, giặt, nhà bếp) → Bể thu gom → Bể lắng cát + tách dầu → Bể điều hòa → 02 modul xử lý nước thải, công suất thiết kế của mỗi modul là 480 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gồm Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng) → Bể khử trùng → Đường ống thoát nước thải HDPE (đường kính D = 110mm) → Kênh sau Cống Kết → sông Lạch Tray. Bùn thải từ bể lắng được thu gom vào bể chứa bùn, qua máy ép bùn tạo bùn khô, phần nước được tuần hoàn về bể điều hòa, bùn khô định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Rỉ mật, Men vi sinh, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>/NaHCO<sub>3</sub>, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì thuê đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án, công suất thiết kế 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải trước hệ thống xử lý.
- Nước thải sau hệ thống xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C cột B;  $K = 1,0$ ;  $C_{\max} = C \times K$ ).

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày .... tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ các máy bơm, máy thổi khí, quạt hút và các máy móc thiết bị khác được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ trạm bơm chuyển bậc nước thải công suất 470 m<sup>3</sup>/h.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí 1: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X (m)= 2303234.27; Y (m)= 584857.46

- Vị trí 2: Tại khu vực trạm bơm chuyển bậc nước thải công suất 470 m<sup>3</sup>/h. Tọa độ: X(m)= 2303251.88; Y(m) = 594811.31

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi giờ 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT                                                           | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|--------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|----------------------|
| 1                                                            | 70                | 55                | -                          | Khu vực thông thường |
| QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn |                   |                   |                            |                      |

**3.2. Độ rung:**

| TT                                                          | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB |                  | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------|----------------------|
|                                                             | Từ 6-21 giờ (dB)                                              | Từ 21-6 giờ (dB) |                            |                      |
| 1                                                           | 70                                                            | 60               | -                          | Khu vực thông thường |
| QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung |                                                               |                  |                            |                      |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ..... tháng..... năm  
2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| STT         | Tên chất thải                                                                         | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Khối lượng (kg/năm) | Ký hiệu phân loại |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|---------------------|-------------------|
| 1           | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải                             | Rắn                | 16 01 06     | 15                  | NH                |
| 2           | Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải                                   | Rắn                | 18 01 04     | 18,16               | KS                |
| 3           | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                | 18 02 01     | 23,6                | KS                |
| 4           | Pin, ắc quy thải                                                                      | Rắn                | 16 01 12     | 22                  | NH                |
| 5           | Thiết bị điện có các linh kiện điện tử                                                | Rắn                | 16 01 13     | 28                  | NH                |
| 6           | Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải                             | Rắn                | 12 01 04     | 203,4               | NH                |
| 7           | Cặn nước thải có các thành phần nguy hại                                              | Bùn/lỏng           | 19 10 02     | 100                 | KS                |
| <b>Tổng</b> |                                                                                       |                    |              | <b>410,16</b>       |                   |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 84,768 tấn/tháng (khoảng 1.017 tấn/năm). Chủng loại chủ yếu là các vỏ chai lọ; túi nilon; thực phẩm thừa, giấy vụn...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường khác phát sinh:

Bùn thải nạo vét từ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước của dự án là 114,525 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy

hại đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 02 m<sup>2</sup> (tại kho chứa hóa chất của hệ thống xử lý nước thải tập trung) và đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại khác nhau, rồi tập kết về kho để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải có nắp đậy và màu sắc khác nhau đặt sẵn tại các khu nhà (theo quy định phân loại rác sinh hoạt tại nguồn) để thu gom và đảm bảo phân loại rác sinh hoạt phát sinh tại nguồn và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo quy định.

## 2.3. Chất thải rắn công kênh: Chất thải rắn công kênh phát sinh không thường xuyên được phân loại và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

## 2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường khác:

Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu giữ trong bể chứa bùn và bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước của dự án phải được phân định (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng). Trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; sau khi phân định thực hiện chuyển giao định kỳ cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ..... tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

#### **A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Các hạng mục, công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã được phê duyệt tại Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, gồm:

##### **1. Các hạng mục công trình chính tiếp tục thực hiện:**

1.1. Công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở gồm 511 căn chung cư, tổng diện tích sử dụng đất khoảng 6.117,4 m<sup>2</sup>, có 20 tầng nổi và 02 tầng hầm (02 tầng công cộng, thương mại dịch vụ, 18 tầng ở), tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 54.139,2 m<sup>2</sup>.

1.2. Trường mầm non và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tổng diện tích xây dựng khoảng 2.435,7 m<sup>2</sup>.

##### **2. Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện:**

2.1. Hệ thống, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng và hoàn thiện, gồm: hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải, gồm: bể tự hoại 03 ngăn và bể tách mỡ tại công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở, trường mầm non.

- Quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh của công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở, trường mầm non → Đường ống dẫn PVC D90 → Bể tự 03 ngăn → Đường ống dẫn UPVC D110 → Cống BTCT D300, D400 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

+ Nước thải từ khu bếp nấu ăn của công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở, trường mầm non → Đường ống dẫn D110 → Bể tách mỡ → Đường ống dẫn D110 → Cống BTCT D300, D400 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

2.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

#### 2.2.1. Đối với nước thải:

##### - Giai đoạn thi công xây dựng:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải trong hầm tự hoại của các nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định, không xả nước thải sinh hoạt trực tiếp ra môi trường; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

##### - Giai đoạn vận hành:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; tuân thủ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 2.2.2. Đối với bụi, khí thải:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; vận hành thường xuyên tháp xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình thiết kế.

#### 2.2.3. Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

##### - Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số

05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất nguy hại:

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển giao chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 2.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Yêu cầu về môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

#### 2.2.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: tuyển chọn đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu thi công có đủ năng lực để thực hiện các gói thầu đảm bảo công trình được thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; triển khai công tác giám sát thi công công trình theo đúng quy trình, đúng thiết kế đã duyệt bằng cách thuê nhà thầu tư vấn giám sát độc lập với nhà thầu thi công và nhà thầu thiết kế; không sử dụng các vật liệu kém chất lượng để thi công công trình.

- Giai đoạn vận hành: xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy trước khi đi vào vận hành; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

### **B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ

môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, lưu giữ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường theo đúng quy trình: mùi → tháp xử lý mùi → xả ra thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý mùi, kiểm tra định kỳ, duy tu bảo dưỡng thiết bị và các biện pháp khác đảm bảo kịp thời phát hiện sự cố và ứng phó khắc phục, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chủ dự án đầu tư chi trả kinh phí thực hiện quan trắc đối chứng trong quá trình vận hành thử nghiệm.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.